

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/DS-ST

Ngày 06-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Phận

Bà Lâm Thị Loan Em

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Huệ Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐST-DS, ngày 19/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: Số A, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Ngọc L, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch NHCSXH huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Ngọc L: Ông Nguyễn Văn T – Phó giám đốc Phòng Giao dịch NHCSXH huyện C.

- Bị đơn: 1/ Bà Trần Thị G, sinh năm 1976

2/ Ông **Lê Minh T1**, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: **Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2024 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn T** trình bày: Bà **Trần Thị G** là người đại diện hộ gia đình đứng ra vay vốn và được **Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện C** giải ngân 02 món vay vào các lần như sau:

Món vay thứ nhất: Ngày 21/3/2019, mã món vay 6600000714826742, số tiền vay 20.000.000 đồng của chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường, nông thôn, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng trả một lần, hạn trả cuối cùng vào ngày 21/3/2024.

Món vay thứ hai: Ngày 21/8/2020, mã món vay 6600000718664982, số tiền vay 30.000.000 đồng của chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo, lãi suất 0,6875%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng trả một lần, hạn trả cuối cùng vào ngày 21/8/2023 món vay này đã được ngân hàng cho gia hạn đến ngày 07/1/2025.

Theo giấy đề vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của bà **Trần Thị G** cam kết tiền lãi được trả hàng tháng và 06 tháng trả tiền gốc theo phân kỳ nhưng bà **V** không thực hiện đúng theo thỏa thuận, tiền gốc không trả theo phân kỳ, tiền lãi không trả hàng tháng đầy đủ tính đến ngày 06/9/2024 bà **Trần Thị G** còn nợ Ngân hàng tổng cộng **60.608.829 đồng**, cụ thể như sau:

Kh khoản vay thứ nhất nợ gốc 20.000.000 đồng, nợ lãi 3.831.005 đồng

Khoản vay thứ hai nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi 6.777.824 đồng

Nay nguyên đơn yêu cầu bà **Trần Thị G** và ông **Lê Minh T1** cùng có nghĩa vụ trả số tiền **60.608.829 đồng** và phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng kể từ ngày 07/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho ngân hàng.

- Bị đơn bà **Trần Thị G** và ông **Lê Minh T1** được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của **Ngân hàng C**.

- *Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng:* Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề

ngợi Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà **Trần Thị G** và ông **Lê Minh T1** trả cho **Ngân hàng C** với tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ tính đến ngày 06/9/2024 tổng cộng **60.608.829 đồng** và phải chịu trách nhiệm trả lãi phát sinh theo hợp đồng giữa các bên đã ký kết kể từ ngày 07/9/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng khởi kiện bị đơn bà **Trần Thị G** và ông **Lê Minh T1** trả số tiền vay vốn còn nợ cả gốc và lãi tính đến ngày **06/9/2024** là **60.608.829 đồng**, trong đó **nợ gốc 50.000.000 đồng**, **nợ lãi 10.608.829 đồng** đây là **quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà **G** và ông **T1** cư trú tại **ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thạnh Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà **Trần Thị G** và ông **Lê Minh T1** đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung khởi kiện, tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giữa Phòng giao dịch **Ngân hàng chính sách xã hội huyện C** với bà **G** thể hiện bà **G** đã vay của **Ngân hàng C** tại **Phòng giao dịch huyện C** với 02 khoản vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng, Trong quá trình vay bà **G** không trả tiền gốc và lãi đúng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Bà **Trần Thị G** và ông **Lê Minh T1** đã được triệu tập họp lệ tham gia tố tụng, nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng C** buộc bà **Trần Thị G** và ông **Lê Minh T1** chịu trách nhiệm trả toàn bộ vốn vay và lãi suất còn nợ theo hợp đồng vay cho **Ngân hàng C** là có căn cứ. Trong đó, **nợ vốn vay là 50.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 06/9/2024 lãi 10.608.829 đồng**

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà **Trần Thị G** và ông **Lê Minh T1** phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng C**. Buộc bị đơn bà **Trần Thị G** và ông **Lê Minh T1** trả cho **Ngân hàng C** tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ tính đến ngày 06/9/2024 là **60.608.829 đồng (Sáu mươi triệu sáu trăm lẻ tám nghìn tám trăm hai mươi chín đồng)**, trong đó nợ gốc **50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)**, nợ lãi **10.608.829 đồng (Mười triệu sáu trăm lẻ tám nghìn tám trăm hai mươi chín đồng)**.

Kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2024, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn bà **Trần Thị G** và ông **Lê Minh T1** phải chịu **3.030.441 đồng (Ba triệu không trăm ba chục nghìn bốn trăm bốn mươi một đồng)**. Nguyên đơn **Ngân hàng C** không phải chịu án phí.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CC THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Kha